



□□□□!

Lý luận về con người



LỜI MỞ ĐẦU

“Dân tộc chúng tôi hiểu đầy đủ rằng: dân tộc mình là một dân tộc nghèo, một đất nước đang phát triển ở mức thấp... Chúng tôi hiểu rõ khoảng cách giữa nền kinh tế của chúng tôi và nền kinh tế của những nước phát triển trên thế giới. Chúng tôi hiểu rõ khoa học công nghệ trong thế kỷ 21 sẽ có những bước tiến khổng lồ. Thực hiện tư tưởng vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh: **Lấy sức ta mà giải phóng cho ta**, chúng tôi phải tri thức hoá Đảng, tri thức hoá dân tộc, tiếp tục tri thức hoá công nông, cả nước là một xã hội học tập, phát huy truyền thống những ngày mới giành được độc lập 45, cả nước học chữ, cả nước diệt giặc dốt, cả nước diệt giặc đói... Phải nắm lấy ngọn cờ khoa học như đã nắm lấy ngọn cờ dân tộc. **Một dân tộc dốt, một dân tộc đói nghèo là một dân tộc yếu**” (Lê Khả Phiêu- Tổng bí thư ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam- Phát biểu tại hội thảo quốc tế tại Việt Nam trong thế kỷ 20) Không, dân tộc chúng ta nhất định không phải là dân tộc yếu. Chúng ta đã từng chiến thắng bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thắng lợi đó là thắng lợi của lực lượng trí tuệ Việt Nam đối với lực lượng sắt thép và đô la khổng lồ của Mỹ. Con người Việt Nam đã làm được những điều tưởng như không thể làm được, và tôi tin rằng, con người Việt Nam trong giai đoạn mới với những thử thách mới vẫn sẽ làm được những điều kỳ diệu như thế. Đất nước Việt Nam sẽ sánh vai được với các cường quốc năm châu cho dù hiện nay chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, rất nhiều sự đối đầu.

Chính vì niềm tin bất diệt đó mà tôi chọn đề tài: **Lý luận về con người và vấn đề về đào tạo nguồn lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước** cho tiểu luận triết học của mình. Biết đâu, trong chút kiến thức bé nhỏ này lại có điều gì thật sự hữu ích ...

Tiểu luận gồm có các nội dung sau:

A. Lời nói đầu.

B. Nội dung

I. Lý luận về con người.

1. Khái niệm chung về con người

2. Con người là một thực thể sinh học – xã hội.

3. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội.

II. Vấn đề đào tạo nguồn lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

1. Thế nào là công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Giáo dục đào tạo nguồn nhân lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta.

a. Thực trạng nguồn nhân lực nước ta.

b. Một số giải pháp

C. Ý kiến cá nhân.

1. Việt Nam trong dòng chảy chung của thời đại.

2. Việc làm của người lao động và vấn đề đổi mới chính sách tiền lương.

3. Sinh viên Việt Nam trước những yêu cầu, thách thức mới.

4. Tham khảo một số chính sách phát triển nguồn nhân lực và giáo dục đào tạo nguồn nhân lực ở một số nước khác.

B. NỘI DUNG

I. Lý luận về con người.

1. Khái niệm chung về con người:

Trong xã hội không một ai nhầm lẫn con người với loài động vật, song không phải vì thế mà câu hỏi “con người là gì” bị trở thành đơn giản, vì câu hỏi chỉ là chân thực khi con người có khả năng tách ra khỏi bản thân mình để nhận thức mình với tư cách là hệ thống trong quá trình vận động, sinh thành. Từ thời cổ đại đến nay vấn đề con người luôn giữ một vị trí quan trọng trong các học thuyết triết học. Các nhà triết học đưa ra rất nhiều các quan điểm khác nhau về con người nhưng nhìn chung các quan điểm triết học nói trên đều xem xét con người một cách trừu tượng, do đó đã đi đến những cách lý giải cực đoan phiến diện.

Chủ nghĩa Mác đã kế thừa và khắc phục những mặt hạn chế và đồng thời phát triển những quan niệm hạn chế về con người đã có trong các học thuyết trước đây để đi đến những quan niệm về con người hiện thực, con người hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên và xã hội. Với tư cách là con người hiện thực, con người vừa là sản phẩm của tự nhiên và xã hội, đồng thời vừa là chủ thể cải tạo tự nhiên và xã hội. Hay nói cách khác chủ nghĩa Mác xem xét con người như một thực thể sinh học- xã hội.

2. Con người là một thực thể sinh học- xã hội .

Con người là sản phẩm của tự nhiên, là kết quả của quá trình tiến hoá lâu dài của giới hữu sinh. Con người tự nhiên là con người sinh học mang tính sinh học. Tính sinh học trong con người quy định sự hình thành những hiện tượng và quá trình tâm lý trong con người là điều kiện quyết định sự tồn tại của con người. Song con người không phải là động vật thuần túy như các động vật khác mà là một động vật có tính chất xã hội với nội dung văn hoá lịch sử của nó. Con người là sản phẩm của xã hội, là con người xã hội mang bản tính xã hội. Con người chỉ có thể tồn tại được một khi con người tiến hành lao động sản xuất ra của cải vật chất thoả mãn nhu cầu sinh học của

mình. Lao động sản xuất là yếu tố quyết định sự hình thành con người và ý thức. Chính lao động đã quy định bản chất xã hội của con người, quy định cái xã hội của con người và xã hội lại quy định sự hình thành cá nhân và nhân cách. Vì con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội nên con người chịu sự chi phối của môi trường tự nhiên và xã hội cùng các quy luật biến đổi của chúng.

Với tư cách là con người xã hội, là con người hoạt động thực tiễn, con người sản xuất ra của cải vật chất tác động vào tự nhiên để cải tạo tự nhiên, con người chính là chủ thể cải tạo tự nhiên. Con người là sản phẩm của tự nhiên song con người có thể thống trị tự nhiên nếu biết nắm bắt và tuân theo các quy luật của bản thân giới tự nhiên. Con người không chỉ là sản phẩm của xã hội mà còn là chủ thể cải tạo xã hội. Bằng hoạt động sản xuất con người sáng tạo ra toàn bộ nền văn hoá vật chất và tinh thần. Mặc dù tự nhiên và xã hội đều vận động theo quy luật khách quan, nhưng trong quá trình hoạt động, con người luôn luôn xuất phát từ nhu cầu động cơ và hứng thú, theo đuổi những mục đích nhất định và do đó đã tìm cách hạn chế hay mở rộng phạm vi tác dụng của quy luật cho phù hợp với nhu cầu và mục đích của mình.

Như vậy con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội vừa là chủ thể cải tạo tự nhiên và xã hội. Con người là thực thể thống nhất sinh học- xã hội.

3. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội.

Xuất phát từ con người hiện thực, Mác đã nhận thấy lao động đóng vai trò quyết định trong việc phân chia ranh giới giữa con người và động vật. Vì lao động là hoạt động xã hội nên mọi sự khác biệt giữa con người và động vật đều là kết quả của cuộc sống con người trong xã hội. Cá nhân là thực thể xã hội và bản chất con người có tính lịch sử cụ thể. Điều đó quy định sự khác nhau của con người trong các thời đại khác nhau, sự khác nhau này tùy thuộc

vào sự phát triển của xã hội, sự thay đổi các quan hệ xã và giao tiếp. Vì vậy, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội, không chỉ tổng hoà các mối quan hệ trong hiện tại mà cả trong quá khứ.

Tóm lại, bản chất chung nhất, sâu sắc nhất nhất của con người là tổng hoà các mối quan hệ giữa người và người trong xã hội diễn ra trong hiện tại và cả trong quá khứ. Bản thân của con người không phải là cố định, bất biến mà có tính lịch sử cụ thể. Chúng ta không thể hiểu bản chất con người bên ngoài mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội.

II. Vấn đề đào tạo nguồn lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hiện đại hoá ở nước ta.

1. Thế nào là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ quan điểm đổi mới về công nghiệp hoá hiện đại hoá của đại hội Đảng lần thứ VII rút ra từ thực tiễn công nghiệp hoá trên thế giới và ở nước ta, có thể đưa ra định nghĩa: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học- công nghệ, tạo ra năng suất xã hội cao.

2. Giáo dục đào tạo nguồn nhân lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta:

a) Thực trạng nguồn nhân lực nước ta.

Thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá là một quy luật khách quan, một đòi hỏi tất yếu của nước ta. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, chúng ta đang thực hiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết quản lý của Nhà nước thì công nghiệp hoá hiện đại hoá là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong những chính sách, đường lối về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta luôn chủ trương lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế đất nước. Để đẩy nhanh, mạnh quá trình công nghiệp hoá, chúng ta phải có một nguồn lực có đầy đủ sức mạnh cả về thể lực lẫn trí lực. Nguồn nhân lực là yếu tố, điều kiện đầu vào quyết định nhất vì nguồn nhân lực quyết định phương hướng đầu tư, nội dung, bước đi và biện pháp thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Do đó cần chú trọng tới việc phát triển nguồn nhân lực- con người cả về số lượng, chất lượng, năng lực và trình độ. Đây chính là vấn đề cấp bách, lâu dài và cơ bản trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Nghị quyết IV BCH TƯ Đảng khoá VII nêu rõ: Cùng với khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy, là một điều kiện cơ bản đảm bảo việc thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội.

Như vậy, Giáo dục là một dạng đầu tư cho sự phát triển vì nó là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Sự nghiệp giáo dục đào tạo có tính xã hội hoá cao, toàn cầu hoá cao. Nền Giáo dục và đào tạo tốt sẽ cho chúng ta nguồn nhân lực với đầy đủ sức mạnh, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Do đó, sự nghiệp giáo dục và đào tạo phải là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân, đồng thời phải tranh thủ sự hợp tác, ủng hộ của các nước trên thế giới thông qua việc hợp tác giáo dục...

Mặc dù nền Giáo dục của nước ta được sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, nhưng nó vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tình hình phát triển dân số qua các giai đoạn từ năm 1921-1954; 1955-1979; 1981-nay đã chứng tỏ dân số chúng ta tăng khá nhanh. Với cơ cấu dân số đông trẻ (dân số 77,45 triệu người năm 1997) , tốc độ tăng nguồn lao động

cao trong khi nền kinh tế chưa phát triển lại mất cân đối trầm trọng làm nảy sinh hai vấn đề: Tăng năng suất lao động và giải quyết việc làm cho những người lao động trở nên hết sức bức thiết. Trong khi đó khả năng giải quyết việc làm của ta còn rất hạn chế. Vì vậy mâu thuẫn giữa cung- cầu về số lượng nguồn nhân lực lớn gây sức ép ngày càng nặng nề về lao động việc làm . Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư, gây nhiều xáo trộn về xã hội, môi trường, tác động nhiều đến cơ cấu vùng của nguồn nhân lực. Thêm vào đó là sự thiếu quản lí , thiếu kiến thức nên người di dân là lực lượng phá rừng, gây ô nhiễm môi trường ở cả vùng họ rời đi và nhiều vùng họ đến . Tình trạng thiếu hụt kĩ năng của người lao động rất rõ rệt. Lao động có tay nghề cao, công nhân có kĩ thuật thiếu do đầu tư giáo dục đào tạo chưa đủ, cơ cấu đào tạo chưa hợp lí, thiếu cơ sở định hướng, lại không xuất phát từ nhu cầu thị trường lao động . Hiện nay, cả nước có 96 trường đại học và cao đẳng, 436 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, số lượng cán bộ có trình độ cao ngày càng nhiều, với hơn 400 người có bằng thạc sỹ và hàng trăm nghìn cán bộ có trình độ đại học và trung học. Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung đã được cải thiện nhiều nhưng **cung** về chất lượng vẫn không thể đáp ứng được **cầu** về mặt thể lực , trí lực và trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động, nguồn nhân lực của Việt Nam.

Chất lượng thì như vậy, lại thêm việc phân bố, sử dụng nguồn nhân lực bất cập, thiếu đồng bộ càng làm tăng thêm mâu thuẫn về nguồn nhân lực cả về số lượng lẫn chất lượng . Ở các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa thừa lao động giản đơn nhưng lại thiếu trầm trọng lao động có trình độ gây rất nhiều khó khăn cho việc phát triển nhiều mặt ở vùng này. Trong khi đó ở những thành phố lớn lại tập trung nhiều lao động có trình độ, gây ra sự lãng phí lớn ở những nơi này nhưng lại thiếu hụt ở những nơi khác.

Điểm mạnh của chúng ta là số người biết chữ cao so với các nước trong khu vực và các nước đang phát triển khác. Nguồn nhân lực nước ta có

động lực học tập tốt, thông minh, luôn được đánh giá cao trong các kì thi quốc tế . Điểm yếu của nước ta về nguồn nhân lực chủ yếu là tri thức , nghiệp vụ kinh doanh, tiếp thị buôn bán, trình độ quản lí và tri thức khoa học kĩ thuật cập nhật. Những hạn chế đó của nguồn nhân lực nước ta trong cơ chế thị trường cần được khắc phục sớm bằng mọi biện pháp và khả năng vốn có của nước ta.

b. Một số giải pháp nhằm giải quyết hợp lý vấn đề về nguồn nhân lực.

Nhìn rõ được thực trạng về nguồn nhân lực của nước ta để chúng ta phát huy những điểm mạnh , khắc phục và hạn chế những điểm yếu đồng thời đưa ra được những yêu cầu đối với giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực . Một mặt phải trực tiếp giải quyết vấn đề về chất lượng nguồn nhân lực, về trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn kĩ thuật, mặt khác phải giải quyết vấn đề nâng cao thể lực người lao động và phân phối nguồn nhân lực một cách hợp lý. Trong trình tự giải quyết phải đi tuần tự từ tiếp tục xoá mù chữ, phổ cập tiểu học, trang bị những kiến thức cơ bản, đào tạo nghề từ sơ cấp đến các bậc cao hơn nhưng phải tạo ra một bộ phận người lao động có chất lượng cao, đặc biệt phải chú trọng đào tạo lao động kĩ thuật, nhằm đáp ứng nhu cầu của những ngành công nghệ mới, các khu công nghiệp và các khu kinh tế mới.

Trước tiên , việc mở rộng quy mô giáo dục đào tạo là rất cần thiết. Nhưng cố gắng mở rộng quy mô giáo dục đào tạo của nước ta vẫn không theo kịp được tốc độ gia tăng dân số. Quy mô mọi ngành , bậc học hiện nay đều chưa đáp ứng được yêu cầu theo học của mọi lứa tuổi. Nhìn chung số học sinh và số trường lớp ở mọi ngành học từ mẫu giáo , các cấp phổ thông , trung học chuyên nghiệp , cao đẳng , đại học đều tăng . Các hệ thống trung tâm xúc tiến việc làm, các trung tâm kĩ thuật tổng hợp , hướng nghiệp và nhiều cơ sở dạy nghề bán công , dân lập, tư thục được thành lập. Quy mô

đào tạo có chuyển biến là nhờ tăng cường hình thức đào tạo ngắn hạn. Riêng đối với quy mô của hệ thống đào tạo nghề ngày càng bị thu hẹp. Đảng và Nhà nước cần có chính sách khuyến khích mở rộng và hỗ trợ cho các trường dạy nghề nhằm thu hút học sinh, sinh viên, khắc phục sự mất cân đối trong cơ cấu ngành học, bậc học của giáo dục đào tạo. Giáo dục mầm non có tầm quan trọng đặc biệt đứng từ góc độ chuẩn bị nền tảng về thể lực và trí lực cho nguồn nhân lực. Giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục tiểu học theo kinh nghiệm của các nước đang phát triển, là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định các cơ hội và tăng trưởng kinh tế. Giáo dục đào tạo chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật ngoài ý nghĩa với tăng trưởng kinh tế còn đặc biệt quan trọng trong việc phát triển, giảm nguy cơ tụt hậu. Tuy nhiên, những bất cập giữa các ngành đào tạo, giữa các bậc học đã gây khó khăn không ít cho sự phát triển của nền kinh tế. Một số ngành được học sinh, sinh viên theo học như một phong trào, một số ngành thì rất ít người theo học. Nếu không có sự điều chỉnh kịp thời, Việt nam sẽ nhanh chóng gặp phải khó khăn về đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật như ở nhiều nước Asean, nhất là ở Thái Lan.

Giáo dục đào tạo ở thành phố, đồng bằng có điều kiện phát triển hơn ở nông thôn, vùng núi, vùng sâu vùng xa. Vì vậy, việc giáo dục đào tạo con người ở những vùng này rất khó khăn. Để nâng cao trình độ của nguồn nhân lực ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, miền núi, Nhà nước đã có chính sách cấp học bổng, giảm học phí, ưu tiên các học sinh nghèo vượt khó. Từ đó giúp họ có điều kiện học tập, tìm kiếm việc làm, nâng cao mức sống. Chính nhờ những chủ trương đúng đắn này mà những bất hợp lý trong cơ cấu vùng, miền của giáo dục đào tạo nguồn nhân lực được điều chỉnh phần nào.

Yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng nguồn nhân lực là việc đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục đào tạo. Việc hội nhập và cạnh tranh kinh tế đòi hỏi hàng hoá phải đạt tiêu chuẩn

quốc tế để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, từ đó đòi hỏi phải có trình độ công nghệ cao và khả năng sử dụng tương ứng các công nghệ đó. Ngoài giáo dục đào tạo văn hoá chuyên môn, nghiệp vụ về mặt lý thuyết, cần chú ý điều kiện thực hành, ứng dụng, giáo dục kỹ luật, tác phong lao động công nghiệp, rèn luyện kỹ năng và những khả năng thích ứng của người lao động với những đặc điểm của nền kinh tế thị trường. Song song với vấn đề giáo dục, đào tạo con người, chúng ta phải quan tâm đến vấn đề dân số, sức khoẻ, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm sức ép đối với quy mô và chất lượng giáo dục.

Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, yêu cầu đa dạng hoá các loại hình giáo dục đào tạo rất cần thiết để bổ sung, cải thiện hiện trạng nguồn nhân lực nhằm khắc phục những bất hợp lý về việc phân bổ nguồn nhân lực, đồng thời nâng cao hiệu quả của đầu tư cho giáo dục đào tạo để phục vụ cho nhu cầu phát triển. Trong lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp, chúng ta cần phải kết hợp một cách khoa học giữa kế hoạch phát triển toàn diện với chính sách sử dụng sau đào tạo hợp lý để giảm lãng phí về chi phí giáo dục đào tạo của xã hội và của gia đình. Người lao động đào tạo ra được làm việc đúng ngành, đúng nghề, đúng khả năng và sở trường của mình. Ngoài ra, giáo dục hướng nghiệp cũng đòi hỏi phải có công tác dự báo nghề để xác định được xu hướng phát triển và nhu cầu về lao động trong từng giai đoạn. Giáo dục đào tạo chính quy, dài hạn là cơ sở để hình thành nên bộ phận người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, có kỹ năng tiếp cận với khoa học, công nghệ mới, hiện đại. Ngoài ra, cần mở rộng các loại hình đào tạo ngắn hạn để cải thiện hiện trạng nguồn nhân lực hiện nay và nhanh chóng nâng cao số lao động đã qua đào tạo của ta lên. Hình thức giáo dục tại chức và từ xa cần chú ý hơn đến chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Việc sử dụng tốt hơn, phân bổ hợp lý hơn nguồn lực đã có, đa dạng hoá và khai thác mọi nguồn lực khác cho giáo dục đào tạo là rất cấp thiết.

Nguồn tài chính hạn hẹp hiện được coi là thách thức lớn nhất đối với hệ thống đào tạo nghệ.

Tóm lại, Giáo dục đào tạo nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước là một tất yếu khách quan, một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình đổi mới, xây dựng đất nước. Mặc dù nền giáo dục đào tạo đã đạt được nhiều thành tích to lớn (Việt Nam có chỉ số HDI tương đối cao, được xếp vào các nước có trình độ phát triển trung bình.) nhưng so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nền giáo dục đào tạo của nước ta vẫn chưa đáp ứng được.

Do đó, cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và những đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà Nước đối với sự nghiệp giáo dục của nước ta.

C. Ý kiến cá nhân.

1. Việt Nam trong dòng chảy chung của thời đại .

Hướng tới một nền kinh tế tri thức là một xu thế tất yếu của thời đại. Trong thế kỉ 20, chúng ta đã từng biết đến nền kinh tế thị trường, nền kinh tế kế hoạch và nền kinh tế hỗn hợp với những công cụ phân phối đặc trưng và phương thức giải quyết vấn đề kinh tế của chúng. Tiêu điểm của nền kinh tế tri thức , không giống hai loại hình kinh tế trên, nhấn mạnh vào động lực phát triển của xã hội trong thời đại mới . Nền kinh tế hiện đại không chỉ được xây dựng trên cơ sở tài sản vật chất và nguồn nhân lực mà quan trọng hơn phải được đặt nền móng ở khả năng học học tập, tiếp thu và thích nghi của mọi thành viên của nó nhằm thích ứng với môi trường toàn cầu liên tục phát triển và đầy biến động.

Vấn đề cốt tử của Việt nam hiện nay để xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức là giáo dục. Nếu chúng ta không cải cách giáo dục mạnh mẽ thì người dân sẽ không đủ trình độ để hiểu và xử lí thông tin kịp thời , không đủ khả năng bắt kịp các luồng thông tin ào ạt như thác lũ trên mạng INTERNET và sẽ

không tìm được kẻ hở trên thị trường thế giới cho hàng hoá Việt nam. Nhất thiết chúng ta phải xây dựng được một nền giáo dục tiên tiến phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; Nhưng để xây dựng được một nền giáo dục như thế, cần phải có những chính sách xã hội hỗ trợ cho nền giáo dục đào tạo, trong đó giải quyết việc làm và vấn đề tiền lương là những vấn đề quan trọng.

2 Việc làm của người lao động và vấn đề đổi mới chính sách tiền lương.

a. Việc làm của người lao động.

Nói đến việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động là nói đến vấn đề bức thiết và mục đích của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội . Việc giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phải được đi đôi với việc giải quyết việc làm cho người lao động, có tạo được cho người lao động việc làm ổn định và mức thu nhập tương xứng thì mới tạo được động lực phát triển kinh tế xã hội .

Việc làm là hoạt động tạo ra giá trị, của cải vật chất. Mác-Ăngghen đã khẳng định: “Lao động là nguồn gốc của mọi của cải vật chất...là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người.” Lao động là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước. Giải quyết việc làm cho lao động xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển . Bên cạnh việc kết hợp các giải pháp khuyến khích phát triển sản xuất, thực hiện các chương trình các kinh tế xã hội lớn, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, Nhà nước đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ , tác động vào những người chưa có việc làm hoặc thất nghiệp, thiếu việc làm để họ có thêm cơ hội có việc làm. Các mô hình kinh tế hợp lý, như mô hình V-A-C, hình thức giao đất giao rừng ... được nhân rộng ở nhiều nơi. Bên cạnh đó, Nhà Nước còn có các chính sách khuyến khích người dân tự làm giàu cho chính mình, cho gia đình và cho xã hội. Luật

doanh nghiệp ra đời năm 1999 đánh dấu một bước phát triển mới, một bước ngoặt thuận lợi cho các doanh nhân Việt Nam; Làm giàu chính đáng là tiêu chí của nhiều cuộc hội thảo, là mục đích của nhiều chủ trương, chính sách, là động lực của nhiều người dân Việt Nam cần cù, thông minh.

Với nền kinh tế vận động theo định hướng XHCN, Đảng và Nhà Nước luôn đặt hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế lên hàng đầu. Hiệu quả kinh tế phải đi đôi với hiệu quả xã hội, trong đó việc tạo công ăn việc làm, nâng cao mức sống người dân được chú trọng nhất; dự án xây dựng khu công nghiệp Dung Quất ở miền Trung khắc nghiệt, dự án mở đường mòn Hồ Chí Minh... là những chính sách, biện pháp hợp lý đã lấy hiệu quả xã hội đặt lên hàng đầu.

Giải quyết việc làm là kết quả tổng hợp của sự phát triển sản xuất, của việc thực hiện các chương trình kinh tế, xã hội và các giải pháp hỗ trợ trong đó việc phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế là tiền đề, điều kiện cơ bản nhất là từ những kết quả bước đầu về giải quyết việc làm cho người lao động xã hội trong thời gian qua là rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, thực tiễn khách quan cũng cho thấy điều kiện tạo ra việc làm chưa vững chắc, nhiều yếu tố khác nảy sinh làm cho thực trạng lao động việc làm thêm khó khăn phức tạp. Tỷ lệ thất nghiệp ở các đô thị nước ta vào loại cao so với các nước trong khu vực và có xu hướng tăng. Chất lượng lao động thấp, chỉ có gần 19% lao động qua đào tạo chuyên môn, kỹ thuật. Cơ cấu lao động kỹ thuật bất hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế và càng bất cập trước yêu cầu lao động kỹ thuật cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc phân bố lao động theo ngành còn nhiều bất hợp lý. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra chậm. Lực lượng lao động phân bố không đồng đều chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của các vùng. Và một điều quan trọng nữa đó là công tác quản lý lao động theo ngành và theo lãnh thổ bất cập so với yêu cầu, chưa giám sát được sự vận động của thị trường

lao động . Hiện nay, ở thủ đô Hà Nội cũng như ở nhiều thành phố lớn khác, các chợ lao động với nguồn nhân lực chủ yếu là những nông dân ở vùng nông thôn, đang là vấn đề nan giải. Chúng ta cần phải sáng tạo nhiều hình thức kinh tế làm ăn có hiệu quả nhằm tăng thêm thu nhập cho người lao động tận dụng được quỹ thời gian trong những ngày nông nhàn.

b. Vấn đề đổi mới chính sách tiền lương.

Tiền lương về thực chất là khoản thù lao nhà nước trả cho cán bộ , công chức tương xứng với lao động và trình độ nghiệp vụ, chức trách để thực hiện những công việc mà nhà nước uỷ quyền cho họ.

Để xác định đúng tiền lương tối thiểu chung cho cán bộ, công chức, trước hết phải quan niệm đúng đắn về giá trị sức lao động . Đó là toàn bộ những chi phí cần thiết về ăn , mặc, ở, đi lại...v.v..bù đắp cho một lượng nhất định về cơ bắp, trí tuệ đã hao phí để duy trì cuộc sống của bản thân người lao động trong trạng thái bình thường đồng thời tái sản xuất ra sức lao động cả về số lượng và chất lượng trong những điều kiện kinh tế xã hội ổn định. Do đó , khi đồng tiền mất giá, chỉ số giá cả sinh hoạt cao thì tiền lương danh nghĩa phải được điều chỉnh thích ứng và kịp thời để đảm bảo tiền lương thực tế cho người lao động. Mới đây chính phủ đã quyết định tăng 20% lương cơ bản cho công nhân viên chức, đây là một điều đáng mừng, khích lệ tinh thần làm việc và hiệu quả lao động của công nhân viên chức. Đồng thời , trong phiên họp thường kì vào tháng 6 năm 1999 chính phủ cũng đã đưa ra một hệ thống các giải pháp nhằm đảo đảm sự phát triển ổn định của tình hình kinh tế xã hội và các giải pháp chống thiếu phát (tức là lưu thông luân thiếu tiền dẫn đến giá cả hàng hoá , dịch vụ giảm xuống một cách phổ biến trong khi tiền giấy trong kho bạc nhà nước lại đầy ắp .) , thiết lập quan hệ giá cả thị trường hợp lí , kích thích sản xuất phát triển . Từ đó ta cần sửa đổi , hoàn thiện thang, bảng lương cho cán bộ công chức nhà nước và chế độ phụ cấp đồng thời sắp xếp , hoàn thiện tổ chức bộ máy và biên chế cán bộ công chức

bảo đảm các yêu cầu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả giảm bớt tổng số cán bộ, công chức hưởng lương nhà nước. Trên cơ sở đó cần từng bước nâng dần lương tối thiểu chung cho cán bộ, công chức nhà nước. Trước mắt cần có sự đột phá, khắc phục sự lạc hậu và bất hợp lý của chính sách tiền lương tối thiểu hiện hành.

Hiện nay trong giới sinh viên đang có tình trạng đổ xô đi làm cho công ty nước ngoài, lí do chủ yếu là vì mức lương ở các công ty này rất cao, nhưng một lí do nữa cũng không kém phần quan trọng đó là do những sinh viên giỏi không có khả năng kinh tế để xin vào các công ty nhà nước. Có nhiều nguyên nhân giải thích cho vấn đề này. Thứ nhất là vì hiện nay đang có chính sách giảm biên chế, xây dựng bộ máy nhà nước gọn nhẹ nhưng hiệu quả và năng động. Thứ hai là do hiện nay tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ... khiến cho việc thi tuyển công chức rất không công bằng. Họ không chọn năng lực thực sự mà chỉ chọn những người có gia đình thanh thế và nhiều tiền, hoặc có quyền cao chức trọng, có tiếng nói quan trọng trong một công ty, một sở, một bộ nào đó. Vì vậy, đã từ lâu hình thành trong nếp nghĩ của người Việt nam nói chung và sinh viên nói riêng một quan niệm: Vào được những công ty nhà nước “danh giá” là một giấc mơ xa xỉ đối với những sinh viên nghèo không có điều kiện “chạy chọt”. Đó là thực trạng đáng buồn. Vì vậy, bên cạnh việc đổi mới chính sách tiền lương, cần có những biện pháp thật cứng rắn để làm trong sạch đội ngũ cán bộ và làm cho đồng tiền mà họ làm ra xứng đáng với năng lực, trí tuệ, nhiệt huyết của họ.

Đồng thời, phải có chính sách phân phối thật công bằng, “làm theo năng lực hưởng theo lao động”, tránh tình trạng một số ngành thì lương rất cao, trong khi một số ngành khác lương lại thấp cho dù hao phí lao động bỏ ra như nhau. Ví dụ như ngành bưu điện, điện lực, lương nói chung (gồm cả lương cơ bản + thưởng + các khoản thu khác) rất cao, chênh lệch nhiều so với thu nhập của cán bộ công nhân viên chức ở các ngành khác, như ngành ngân

hàng. Ngay trong ngành ngân hàng chính sách tiền lương cũng có nhiều bất cập, lương ở ngân hàng nhà nước thấp hơn nhiều so với ở các ngành ngân hàng khác như ngân hàng ngoại thương. Chẳng hạn một kỹ sư tin học trong một chi nhánh ngân hàng nhà nước có tiền lương và thưởng tết xấp xỉ một triệu đồng, trong khi đó một nhân viên đưa thư của ngành bưu điện lại có lương và thưởng tết dao động từ 2 đến 3 triệu đồng. Sự chênh lệch này lý giải được nguyên nhân vì sao ở những ngành độc quyền người ta đang đổ xô tranh nhau vào, gây tình trạng dư thừa lao động còn ở những ngành khác đầu vào lao động lại thiếu trầm trọng. Chính phủ cần phải có những biện pháp điều chỉnh hợp lý về đầu vào ở các trường đại học và phải tạo được động lực phát triển.

3) Sinh viên Việt nam trước những yêu cầu thách thức mới.

Việt nam đang đứng trước những thách thức lớn, văn minh trí tuệ phát triển từng giây, từng phút, nếu không nhanh chóng đi tới sẽ kéo nhau cùng tụt hậu, dững cãm thông minh mấy cũng sẽ thất bại.

Vận mệnh, tiền đồ của đất nước phụ thuộc một phần quan trọng vào thế hệ trẻ, thanh niên và sinh viên phải vươn lên cùng với cha anh làm chủ đất nước ngay từ bây giờ.

Để đóng góp cho sự phát triển của đất nước và tương lai của dân tộc, thanh niên và sinh viên phải có hoài bão và lý tưởng, có tri thức và kỹ năng, phải “học, học nữa, học mãi”. Sinh viên cần phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc, xây dựng xã hội Việt nam thành một “**xã hội học tập**”, thành một “**xã hội sáng tạo**”, đưa dân tộc ta trở thành một “**dân tộc thông thái**”, chiếm lĩnh những đỉnh cao trí tuệ của nhân loại trong thế kỷ 21 và thiên kỷ thứ 3. Nước ta bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa với điểm xuất phát rất thấp trong khi các nước tiên tiến đã bước vào nền kinh tế tri thức, nền văn minh trí tuệ. Trong kỷ nguyên của nền văn minh trí tuệ, sự phát triển tri thức

của nhân loại sẽ tăng lên theo hàm mũ . Bởi vậy , thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên phải xây dựng cho mình bản lĩnh độc lập tự chủ, nghị lực sáng tạo và tinh thần đổi mới , tiếp thu và làm chủ những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, những tri thức quản lí và kinh doanh hiện đại của nhân loại, trong khi đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá , sớm đưa nước ta tiếp cận với nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin.

Trước dòng thác lũ ào ạt của thời đại thông tin, vẫn còn tình trạng’’ chìm trong thông tin nhưng có thể đói về kiến thức’’, nhiều sinh viên, học sinh vẫn chưa nhận thấy tầm quan trọng của việc học, họ xem học tập là nghĩa vụ chứ chưa thấy đó là quyền lợi của mỗi người. Vì vậy , phải giáo dục cho sinh viên , học sinh nhận thức đúng bản chất vấn đề, Đặc biệt phải nâng cao chất lượng giáo dục , mở rộng nhiều hình thức giáo dục. Hiện nay, chúng ta đã có nhiều hình thức giáo dục đáng khích lệ và thu nhiều kết quả tốt. Ví dụ: hình thức đào tạo từ xa có thể cung cấp kiến thức cho những người không có điều kiện học tập trung hoặc những người vừa học vừa làm. Hình thức giáo dục này không chỉ góp phần nâng cao trình độ người dân mà còn giảm được một chi phí đáng kể cho nhà nước và nhân dân.

Tuy vậy nền giáo dục của ta vẫn còn nhiều bất cập, trong số đó vấn đề lưu học sinh du học ở nước ngoài cũng là một vấn đề quan trọng.

Do nền kinh tế ngày càng phát triển , nhu cầu học hỏi ngày càng cao, nhiều người tìm đến chân trời tri thức mới bằng cánh đi học tập ở nước ngoài, nơi họ nghĩ duy nhất có thể “đón đầu , đi tắt” bởi vì họ nghĩ kiến thức ở trường đại học chưa đủ để họ đi tắt một khi những người mà họ muốn đón đầu còn học nhiều hơn, biết nhiều hơn, trong môi trường vận động nhanh hơn. Chúng ta có thể đi tắt được không một khi cuốn giáo trình của chúng ta được dịch lại, thậm chí được đơn giản hoá từ 30 năm trước. Có những kiến thức mà ta cần để đón đầu hoàn toàn chưa xuất hiện ở Việt nam : Xã hội học thực nghiệm, công nghệ vật liệu, nghiên cứu các dạng năng lượng mới, trí

tuệ nhân tạo... Vì thế mà họ không hề từ nan phải học ở bất kì nơi nào những vấn đề mà đất nước cần, cho dù phải nếm trải nỗi nhọc nhằn xa quê... Nhưng tiếc thay, đó chỉ là một số ít, rất ít người làm được như họ nghĩ. Theo thống kê có đến 68,3% (2936 người) lưu học sinh Việt nam du học ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp không biết hiện nay họ ở đâu và làm gì. Rất có thể, nhiều người trong số này không trở về nước hoặc trở về mà không báo cáo (chỉ tính số tri thức trẻ do nhà nước gửi đi đào tạo ở Liên xô cũ và các nước Đông âu từ năm 1985-1999).

Nếu lấy mức chi phí đào tạo đại học ở liên bang Nga, thấp nhất 7800USD/ năm/người * 5 năm = 39000 USD, với 2936 người mất 114.504.000 USD. Đây chỉ tính riêng học phí chưa kể sinh hoạt phí và vé máy bay về nước. Đó là số chi phí được đầu tư những chưa biết làm sao để thu hồi lại vốn. Những lưu học sinh này đi học dựa trên nguồn kinh phí từ các học bổng tài trợ và hợp tác song phương giữa nước ta và nước bạn. Từ năm 1991 tới nay, loại hình đào tạo ngày càng phong phú và số người du học ngày càng tăng lên, số nước nhận đào tạo cũng tăng lên. Trong khi đó công tác quản lí lưu học sinh lại không có những chuyển biến phù hợp với tình hình mới, do đó không đủ sức quản lí số lưu học sinh ngày một tăng trên bình diện ngày càng rộng. Vì vậy, chúng ta phải vạch ra chính sách, kế hoạch khoa học và cụ thể để thu hút lưu học sinh trở về, ngăn chặn tình trạng chảy máu chất xám, từ đó tận dụng được nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Trước hết nhà nước phải tạo điều kiện cho lưu học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm và thu nhập tương xứng; đồng thời quản lí chặt chẽ số lượng học sinh, sinh viên du học và số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp; nếu HSSV đi bằng học bổng nhà nước thì phải có những cam kết đúng đắn giữa học sinh sinh viên và bộ GD_ĐT, buộc hai bên phải thi hành một cách nghiêm túc, tránh tình trạng nhà nước mất một số vốn lớn trong việc đầu tư giáo dục con người nhưng không thể thu hồi lại vốn.

4) Tham khảo một số chính sách phát triển nguồn nhân lực và giáo dục đào tạo nguồn nhân lực ở một số nước khác

a. Tham khảo nền giáo dục của Mỹ.

*. Giáo dục cấp đại học là một hình thức đầu tư cá nhân. Vì thế nó mở rộng cho tất cả những ai muốn học, có năng lực tư duy phù hợp với đòi hỏi từng nơi và có thể trang trải được chi phí học tập cho bản thân. Do đó, chính quyền liên bang và tiểu bang có các chính sách cho vay với lãi suất thấp để sinh viên có thể trang trải chi phí học tập và sinh hoạt.

*. Về chất lượng giáo dục : số lượng ngành học và nội dung ở các trường đại học, cao đẳng rất mới mẻ, có nhiều ngành mà thậm chí chúng ta chưa từng nghe thấy, ví dụ: Ngành thần học, cổ điển học...; Có nhiều môn khác nhau trong chuyên ngành giáo dục, như giáo dục cấp 1, 2 ..hoặc giáo dục đặc biệt cho người tàn tật ...Có rất nhiều môn học kì lạ mà mỗi lớp có thể chỉ có từ 1 đến 2 sinh viên theo học.

Tuy vậy, ưu điểm lớn nhất không nằm ở số lượng ngành học mà ở phương pháp giáo dục. Giáo dục ở đây theo hướng đáp ứng đúng trình độ, nhu cầu của từng cá nhân. Mức độ cá nhân hoá giáo dục rất cao, sinh viên có cơ hội theo đuổi những gì mình mong muốn cho dù có mới mẻ và kì quặc. Bạn được quyền đi theo hướng mà bạn quan tâm và cho là hợp với khả năng của mình.

- Đời sống xã hội mang lại những biểu hiện vượt khỏi khuôn khổ nhà trường. Sự tự giác, trách nhiệm công nhân, tính hợp lý và công việc, tinh thần cộng tác của người Mỹ rất cao. Ví dụ như, bạn có thể tự tìm sách, mượn sách mà không vẫn phải trình thẻ với ai, mặc dù tự do như vậy nhưng chuyện mất sách, quyết tiền không bao giờ xảy ra.
- Cơ hội nghề nghiệp cao hơn một cách tương đối so với các nước khác.

Một tấm bằng đại học tại nước này cho phép bạn có thể tìm việc ở nhiều nơi, nhất là đối với những ngành công nghệ mà Mỹ là cường quốc. Chính vì thế, nước Mỹ là cái bể tập trung chất xám của thế giới, rất nhiều nhân tài các quốc gia đến Mỹ học tập và không trở về tổ quốc vì họ có cơ hội làm việc quá tốt tại Mỹ.

b. Một số chính sách phát triển nguồn nhân lực và giáo dục đào tạo nguồn nhân lực trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hoá của các nước Đông Nam á.

Trước hết, đó là kế hoạch hoá sự phát triển dân số nhằm làm sao không để sự bùng nổ dân số triệt tiêu những thành quả của sự tăng trưởng kinh tế.

Phát triển mạnh giáo dục phổ thông, nâng cao kiến thức văn hoá và chữ viết chung của mọi người.

Cải tiến hệ thống đào tạo đại học và dạy nghề để đáp ứng những nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

Tăng nhanh việc làm, giảm thất nghiệp thông qua việc ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, hiện đại hoá bằng các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, đặc biệt là thành phần kinh tế tư nhân, và các chính sách ưu tiên các ngành công nghiệp quy mô vừa và nhỏ phát triển.

Thực hiện các chính sách và biện pháp phân phối lại để hạn chế sự chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp nhân dân.

D. KẾT LUẬN.

Trong bất kỳ một xã hội nào, một đất nước nào, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cũng đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Đặc biệt ở nước ta, vấn đề này lại càng được coi trọng hơn bao giờ hết. Con người Việt nam đã từng làm được những điều kỳ diệu trong lịch sử và con người Việt nam chắc chắn cũng sẽ làm được những điều kỳ diệu như thế trong tương lai. “ Nhìn lại thế kỷ XX, dân tộc Việt nam dũng cảm và thông minh, đã làm được những điều tưởng như không thể làm được, đã làm cho **hiện thực lịch sử** trở thành **huyền thoại**. Bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới, dân tộc ta với hoài bão lớn và trí tuệ sáng tạo sẽ có những ước mơ tưởng như **huyền thoại** và quyết biến những ước mơ ấy trở thành **hiện thực lịch sử.**” (Võ Nguyên Giáp)

Mặc dù đã cố gắng nhiều nhưng bài tiểu luận của tôi cũng không tránh khỏi sai sót. Tôi mong được sự giúp đỡ và đóng góp của các thầy cô để bài tiểu luận của tôi được tốt hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Các tài liệu tham khảo:

- Triết học Mác-Lê nin-Nhà xuất bản chính trị quốc gia
- Địa lý kinh tế Việt Nam
- Kinh tế chính trị
- Tạp trí những vấn đề kinh tế thế giới, số 1/1999
- Tạp chí cộng sản, số 21,15

-Triết học số 3(115)